TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **30**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2018
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Tăng Thuận**

- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Lê Thanh Tùng**

2/ Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Mỹ Phương** – Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc***: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2018, về tranh chấp: "***Ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 27/4/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Xuân Đ**, sinh năm 1964

- ***Bị đơn***: Anh **Văn Văn H** (thường gọi Văn Minh H), sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Tổ N, ấp K, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Đ có đơn xin xét xử vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại bản tự khai ngày 08/3/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ khai:***

- *Về hôn nhân*: Chị Đ và anh H có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu về chung sống vui vẻ, hạnh phúc không có chuyện gì xãy ra, nhưng thời gian gần đây chị Đ phát hiện anh H quen người phụ nữ khác. Vì thương các con chị Đ khuyên anh H không nghe vẫn tính nào tật nấy, không sửa đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ không còn thương yêu anh H nữa nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân với anh H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống có ba người con chung: Văn Mỹ P, sinh năm 1982; Văn Tuấn T, sinh năm 1984 và Văn Tuấn Đ1, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành đều có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Văn Văn H (thường gọi Văn Minh H): Toà án đã triệu tập anh Văn Văn H để tiến hành lấy lời khai, thông báo cho anh H về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Toà án đã lập biên bản không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Vào các ngày 26/02/2018, ngày 22/3/2018 Toà án đã triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần đối với anh Văn Văn H là bị đơn nhưng anh H không có mặt tại nhà vì vậy Toà án đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đối với anh Hùng theo khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Xuân Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/5/2018, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Đ và anh H.

2. *Về nội dung*:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ và anh Văn Văn H tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau từ năm 1981 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Quốc cấp vào ngày 27/9/1982 là hôn nhân hợp pháp.

- *Về con chung*: Chị Đ và anh anh H có ba người con chung Văn Mỹ P, sinh năm 1982; Văn Tuấn T, sinh năm 1984 và Văn Tuấn Đ1, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành đều có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tòa miễn xét.

Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ chung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Đ và anh H thường cải nhau, anh H quen một người phụ nữ khác, nhiều lần chị Đ khuyên bảo nhưng anh H, không sửa đổi, tính nào tật nấy. Chị Đ và anh H đã ly thân từ hơn một năm nay. Do đó, chị Đ thấy tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Đ yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn với anh H. Xét thấy yêu cầu của chị Đ là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân Đ ly hôn với anh Văn Văn H.

- *Về con chung*: Có ba người con chung Văn Mỹ P, sinh năm 1982; Văn Tuấn T, sinh năm 1984 và Văn Tuấn Đ1, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành đều có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa miễn xét.

- *Về công nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BU/2014 0006462 ngaỳ 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, nay chuyển thành án phí, anh Văn Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Đi khoản 3 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngay/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử</u>: Vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ, bị đơn anh Văn Văn H (thường gọi Văn Minh H)

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Xuân Đ** được ly hôn với anh **Văn Văn H**.

- Cho chị **Nguyễn Thị Xuân Đ** được ly hôn với anh **Văn Văn H**.

2/ Về quan hệ con chung: Có ba người con chung Văn Mỹ P, sinh năm 1982; Văn Tuấn T, sinh năm 1984 và Văn Tuấn Đ1, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành đều có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa miễn xét.

- *Về công nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BU/2014 0006462 ngaỳ 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, nay chuyển thành án phí.

Anh Văn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Xuân Đ và anh Văn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nên chị Đ, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi chị Đ, anh H cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Phú Quốc;
- Chi cục THADS Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tăng Thuận